

Phụ lục 1
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH THÁNG 10
(Kèm theo Báo cáo số: /UBND-CCHC ngày /10/2025 của Ủy ban nhân dân phường Lý Văn Lâm)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC			
1.1	Kế hoạch CCHC của đơn vị			
1.1.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	29	
1.1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	18	
1.2	Kiểm tra CCHC			
1.2.1	Số đơn vị đề ra theo Kế hoạch	Cơ quan, đơn vị		
1.2.2	Số đơn vị được kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.2.3	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.2.4	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3	Thực hiện nhiệm vụ do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
1.3.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.3.4	Số nhiệm vụ đã quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.4	<i>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</i>			
1.4.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2	Hình thức khảo sát			
1.5	<i>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</i>	Không = 0 Có = 1	0	
2	Cải cách thể chế		0	
2.1	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản		
2.2	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
2.3	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau rà soát	Văn bản		
2.4	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1	<i>Thống kê TTHC</i>			
3.1.1	Số TTHC tham mưu công bố mới	Thủ tục	425	
3.1.2	Số TTHC tham mưu bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.1.3	Số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	425	
3.2	<i>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</i>			
3.2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
3.2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.2.3	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.4	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.2.5	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.3	<i>Kết quả giải quyết TTHC</i>			
3.3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	100%	99,7	
3.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn.	100%		
3.3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn.	%	100%	
3.3.4	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN		
3.3.5	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN		
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1	<i>Cơ cấu tổ chức bộ máy</i>			
4.1.1	Tổng số phòng chuyên môn, nghiệp vụ	Cơ quan, đơn vị	3	
4.1.2	Tổng số đơn vị hành chính trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	1	
4.1.3	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	8	
4.2	<i>Số liệu về biên chế công chức</i>			
4.2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	62	
4.2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	57	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, đơn vị	Người		
4.2.4	Số biên chế đã tính giảm trong kỳ báo cáo	Người		
4.3	<i>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc</i>			
4.3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	313	
4.3.2	Tổng số người làm việc có mặt	Người	298	
4.3.3	Số người đã tính giảm trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4	Tỷ lệ % đã tính giảm so với năm 2015	%		
5	Cải cách chế độ công vụ			
5.1	<i>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</i>			
5.1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2	Số lượng công chức bố trí chưa đúng đề án vị trí việc làm được phê duyệt	Công chức		
5.1.3	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.4	Số lượng viên chức bố trí chưa đúng đề án vị trí việc làm được phê duyệt	Viên chức		
5.2	<i>Tuyển dụng công chức, viên chức</i>			
5.2.1	Số công chức cấp xã được tuyển dụng	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.2	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.3	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
5.3	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.2	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở được bổ nhiệm lại	Người	0	
5.3.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND xã, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.4	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND phường, ngành được bổ nhiệm lại	Người	0	
5.4	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền)			
5.4.1	Số lãnh đạo cấp sở và UBND cấp xã bị kỷ luật	Người		
5.4.2	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật			
5.4.3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật			
6	Cải cách tài chính công			
6.1	Tổng số ĐVSN công lập trực thuộc	Đơn vị	8	
6.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
6.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	7	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	01	
6.4.1	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
6.4.2	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
6.4.3	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
6.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
6.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
7	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử			
7.1	Dịch vụ công trực tuyến			
7.1.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến một phần	%	100	
	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến một phần</i>	<i>Thủ tục</i>		
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần</i>	<i>Thủ tục</i>		
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>		
7.1.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến	%		
	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>		
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>		
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.2	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến một phần và toàn trình (Chỉ thống kê đối với các TTHC một phần và toàn trình có phát sinh hồ sơ)</i>	%		
	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	Hồ sơ	416	
	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	Hồ sơ	393	